

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2021

Về việc “Ly hôn,
tranh chấp việc nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên tòa: Ông Quách Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hòa

2. Bà Lê Thị Kiều Thu

- Thư ký Phên tòa: Ông Biện Việt Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia Phên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Xuân Q, sinh năm 1981

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Thái Ph, sinh năm 1985

Cùng nơi cư trú: Khu phố A, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Tại Phên tòa có mặt ông Q, bà Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại Phên tòa nguyên đơn ông Đinh Xuân Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Xuân Q và bà Võ Thị Thái Ph tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghị Đức, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận vào năm 2005.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên không hòa hợp, không có tiếng nói chung, lối sống của ông bà trái ngược nên hay cãi vã và mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, khoảng 01 năm nay ông Q đã dọn ra ngoài sống riêng và ông đã làm đơn yêu cầu ly hôn bà Ph tại tòa nhưng sau đó rút lại đơn khởi kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng thực tế vẫn không hàn gắn được.

Nay ông Q xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể sống chung với bà Ph nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Ông Q khai giữa ông và bà Ph có 02 con chung tên Đinh Xuân Q, sinh ngày 03/8/2007 và Đinh Xuân Đ, sinh ngày 21/4/2010. Sau khi ly hôn, ông Q yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và đồng ý việc bà Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại Phên tòa bị đơn bà Võ Thị Thái Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thái Ph và ông Đinh Xuân Q tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Nghị Đức, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 mới phát sinh mâu thuẫn, do ông Q tự bỏ nhà ra ngoài sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, trong cuộc sống có một số vấn đề không cùng quan điểm. Thời gian gần đây bà Ph có đi theo để biết ông Q sống ở bên ngoài như thế nào nhưng ông Q không cho nên vợ chồng có cãi vã và đánh nhau. Việc ông Q trình bày do lối sống hai người trái ngược nhau nên mới có mâu thuẫn là đúng. Ông Q đã tự ý bỏ ra ngoài sống riêng từ tháng 5/2020 đến nay, trong thời gian này vợ chồng chỉ liên lạc qua điện thoại để trao đổi vấn đề con cái, còn mâu thuẫn của vợ chồng không đề cập để giải quyết, ông Q cũng không về nhà, bà có nhắn tin gọi điện nhưng ông Q không trả lời nên không có biện pháp gì để mà hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay bà Ph xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng không còn trọn vẹn và không đồng ý ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà Ph khai giữa bà và ông Q có 02 con chung tên Đinh Xuân Q, sinh ngày 03/8/2007 và Đinh Xuân Đ, sinh ngày 21/4/2010. Nếu phải ly hôn bà Ph đồng ý giao cả 02 con cho ông Q nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ việc đã Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn, bị đơn; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Xuân Q được ly hôn với bà Võ Thị Thái Ph; Về con chung: Ghi nhận ý kiến của ông Q và bà Ph về việc giao cháu Q và cháu Đ cho ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.000.000đồng; Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà chưa yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Phên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm Q giải quyết: Ông Đinh Xuân Q yêu cầu ly hôn bà Võ Thị Thái Ph và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Bị đơn bà Võ Thị Thái Ph cư trú tại Khu phố A, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Xuân Q và bà Võ Thị Thái Ph có đăng ký kết hôn ngày 22/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Nghi Đức, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo Trích lục kết hôn số 73 ngày 14/10/2020 nên quan hệ hôn nhân của ông Q, bà Ph là hợp pháp.

Ông Q cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên hay cãi vã với nhau, khoảng 01 năm nay ông Q đã dọn ra ngoài sống riêng và ông đã làm đơn yêu cầu ly hôn bà Ph tại tòa nhưng sau đó rút lại đơn khởi kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng thực tế vẫn không hàn gắn được và vợ chồng vẫn không sống chung với nhau nên yêu cầu ly hôn. Còn bà Ph cho rằng mâu thuẫn vợ chồng mới phát sinh vào năm 2020, do ông Q tự bỏ nhà ra ngoài sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, trong cuộc sống có một số vấn đề không cùng quan điểm, có lần còn cãi vã và đánh nhau, bà có nhắn tin, gọi điện nhưng ông Q không trả lời nên không có biện pháp gì để mà hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay mặc dù tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng không còn trọn vẹn và không đồng ý ly hôn.

Theo khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*” và “*Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*”; Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*” và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng Q, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được*”.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bà Ph cho rằng vẫn còn tình cảm với ông Q nhưng không còn trọn vẹn, bà không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong khi cả ông bà đều cho rằng vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm và không còn chung sống với nhau hơn một năm nay và trong khoảng thời gian này giữa ông bà không còn quan tâm đến nhau, không cho nhau cơ hội để hàn gắn tình cảm, Tòa án cũng tiến hành hòa giải để ông bà

đoàn tụ nhưng không thành và thực tế ông bà vẫn không chung sống lại với nhau nên đã vi phạm Q, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định Điều 19 và Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu ly hôn của ông Q đã thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông bà khai có 02 con chung tên Đinh Xuân Q, sinh ngày 03/8/2007 và Đinh Xuân Đ, sinh ngày 21/4/2010. Bà Ph đồng ý giao cả hai con chung cho ông Q nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con thành niên, ông Q đồng ý với ý kiến trên của bà Ph. Việc bà Ph đồng ý giao hai con chung cho ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng như trên thể hiện sự tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu Q, cháu Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí : Ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và bà Ph phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 21, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Xuân Q.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Xuân Q được ly hôn với bà Võ Thị Thái Ph.

Về con chung: Giao cháu Đinh Xuân Q, sinh ngày 03/8/2007 và Đinh Xuân Đ, sinh ngày 21/4/2010 cho ông Đinh Xuân Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà Võ Thị Thái Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con thành niên.

Ông Đinh Xuân Q và bà Võ Thị Thái Ph có Q, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn. Bà Ph có Q, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Đinh Xuân Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Ông Q đã nộp đủ án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008356 ngày 06/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Bà Võ Thị Thái Ph phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND Tp Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

QUÁCH VĂN HOÀNG